

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập kiến thức có nội dung sau:

Bài 19: Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.

Bài 20: Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông

Bài 21: Thương mại và dịch vụ

Bài 23: Khai thác thế mạnh ở trung du và miền núi Bắc Bộ.

Bài 24: Phát triển kinh tế - Xã hội ở đồng bằng sông Hồng.

Bài 25: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Kỹ năng đọc Átlat
- Kỹ năng nhận xét biểu đồ, bảng số liệu và nhận diện biểu đồ
- Kỹ năng tính toán bài tập địa lý

2. NỘI DUNG

2.1. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Chủ đề/ Phần	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng- Sai”			Trả lời ngắn			Biết	Hiể u	VD	Biết	Hiể u		VD
			Biết	Hiể u	VD	Biết	Hiể u	VD	Biết	Hiể u	VD							
1	Địa lí các ngành kinh tế	Bài 19: Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.	1	1					1						2	1		8,7%
		Bài 20: Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	1	1											1	1		5,8%
		Bài 21: Thương mại và du lịch		1			1								1	1		5,8%
2	Địa lí các vùng kinh tế	Bài 23: Khai thác thế mạnh ở trung du và miền núi Bắc Bộ.	1	1											1	1		5,8%
		Bài 24: Phát triển kinh tế - Xã hội ở đồng bằng sông Hồng.	1						1						2			5,8%
		Bài 25: Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	1	1											1	1		5,8%
3	Thực hành	Kĩ năng tính toán, nhận xét biểu đồ	1	1		1	1		2	3	3			1	4	5	3	32%+ 30%
Tổng số câu			6	6		1	1		4	3	3			1				100%
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	
Tỉ lệ %			30			20			20			30						

2.2. Câu hỏi và bài tập minh họa

* Nhận biết

Câu 1. Vùng nào dưới đây có số dân đông, chất lượng cuộc sống cao là động lực của ngành dịch vụ?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải miền Trung.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 2. Tuyến đường sắt nào sau đây dài nhất nước ta?

- A. Lưu Xá - Kép - Ưông Bí - Bãi Cháy. B. Thống Nhất.
C. Hà Nội - Đồng Đăng. D. Hà Nội - Lào Cai.

Câu 3. Nhân tố nào dưới đây có vai trò định hướng và tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ?

- A. Dân cư. B. Thị trường. C. Cơ sở vật chất – kĩ thuật. D. Chính sách.

Câu 4. Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay

- A. có thị trường chủ yếu là ở châu Phi. B. bạn hàng ngày càng đa dạng hơn.
C. rất ít thành phần kinh tế tham gia. D. các mặt hàng chủ đạo là máy móc,

Câu 5. Đồng bằng sông Hồng là sản phẩm bồi tụ phù sa của hệ thống sông nào sau đây?

- A. hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình B. hệ thống sông Hồng và sông Thương.
C. hệ thống sông Hồng và sông Cầu. D. hệ thống sông Hồng và sông Lục Nam.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của Bắc Trung Bộ?

- A. Có biên giới kéo dài với Trung Quốc và Lào.
B. Có biên giới đường bộ kéo dài với Lào thông qua các cửa khẩu.
C. Giáp với 3 vùng kinh tế của nước ta.
D. Nằm ở vị trí trung gian giữa Lào, Cam-pu-chia và Biển Đông.

Câu 7. Dựa vào bảng số liệu sau:

Số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: triệu con)

Vật nuôi \ Năm	2010	2021
Trâu	1,6	1,2
Bò	1,0	1,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Để thể hiện số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và năm 2021, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Cột ghép. C. Miền. D. Kết hợp (cột và đường)

Câu 8. Cho thông tin sau:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay, ngành dịch vụ ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

- a) Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP cả nước.
b) Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn.
c) Ngành dịch vụ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
d) Sự phát triển ngành dịch vụ tác động tích cực đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Câu 9. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Cao hơn mức trung bình của cả nước. B. Thấp hơn mức trung bình của cả nước.
C. Thấp, chưa bằng mức trung bình của cả nước. D. Bằng mức trung bình của cả nước.

Câu 10: Năm 2021, ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng bao nhiêu trong cơ cấu GDP?

- A. 41,1% B. 41,2% C. 41,3% D. 41,4%

* Thông hiểu

Câu 1. Yếu tố nào dưới đây tạo điều kiện phát triển giao thông đường thủy và buôn bán, du lịch trên sông?

- A. Sông hồ. B. Khí hậu. C. Vị trí. D. Địa hình.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng một số cây trồng ở Bắc Trung Bộ, năm 2015 và 2021

Cây trồng	Cao su		Lạc		Mía	
	2015	2021	2015	2021	2015	2021
Diện tích (nghìn ha)	86,8	61,4	57,2	41,9	58,3	34,8
Sản lượng (nghìn tấn)	35,0	47,2	114,6	104,0	3418	2 139

(Nguồn: Cục thống kê các tỉnh của Bắc Trung Bộ, 2016 và 2022)

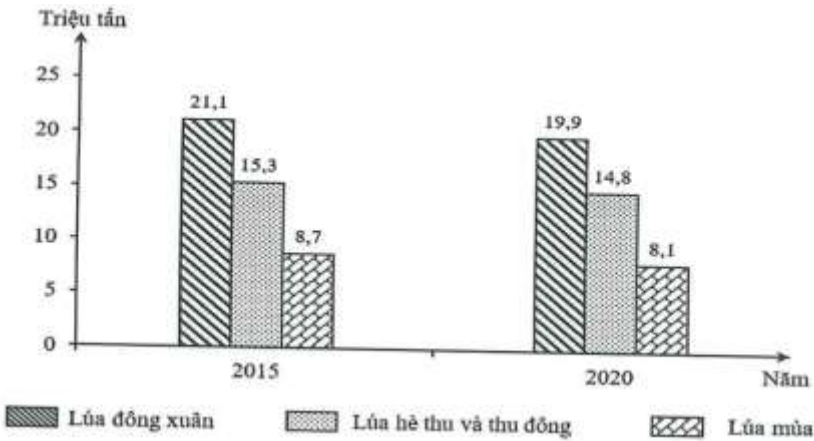
Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính năng suất cây cao su ở Bắc Trung Bộ năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của kg/ha).

Câu 3. Loại hình vận tải có vai trò không đáng kể về vận chuyển hành khách của nước ta là
A. đường biển. B. đường hàng không. C. đường sông D. đường ô tô.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật của ngành viễn thông nước ta hiện nay là
A. phong phú đa dạng về loại hình. B. về cơ bản đã phủ kín ở các vùng
C. mạng lưới nhìn chung còn lạc hậu. D. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

Câu 5. Hoạt động ngoại thương của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
A. chính sách mở cửa, hội nhập sâu rộng, B. xuất khẩu nhiều mặt hàng về công nghiệp nặng,
C. chú trọng các thị trường châu Á - Mỹ. D. đầu tư phương tiện vận chuyển bằng đường bộ.

Câu 6. Cho biểu đồ về sản lượng các vụ lúa của nước ta năm 2015 và năm 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng. B. Tốc độ tăng sản lượng.
C. Quy mô sản lượng. D. Quy mô và cơ cấu sản lượng.

Câu 7 Nhận định nào sau đây **không** phải là thế mạnh của vùng Đồng bằng sông Hồng?
A. Vị trí địa lí thuận lợi. B. Nhiều di tích văn hoá – lịch sử, lễ hội, thắng cảnh đẹp.
C. Nguồn lao động dồi dào, có tay nghề. D. Sông ngòi dày đặc, có trữ năng thủy điện lớn.

Câu 8. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm bao nhiêu % dân số cả nước năm 2021?
A. 13,2%. B. 12,1%. C. 23,1%. D. 13,9%.

Câu 9. Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là
A. bảo vệ, phát triển rừng. B. xây dựng các hồ thủy lợi.
C. xây dựng đê, kè chắn sóng. D. di dân đến các vùng khác.

Câu 10: Nhận định nào sau đây **không** đúng với tình hình phát triển của ngành du lịch ở nước ta hiện nay?
A. Là ngành kinh tế mũi nhọn. B. Sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng.
C. Phân bố chủ yếu ở các thành phố lớn. D. Đã hình thành được các vùng du lịch và trung tâm du lịch.

*** Vận dụng**

Câu 1. Ngành hàng không có bước tiến rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Lao động trình độ cao, khách du lịch quốc tế rất lớn.
B. Chiến lược phát triển táo bạo, nhu cầu thị trường lớn.
C. Lượng khách du lịch quốc tế lớn, xu thế toàn cầu hóa.
D. Đảm bảo tính an toàn cao, có các chiến lược phát triển.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất - nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022 (Đơn vị: Tỷ USD)

Nội dung	2010	2015	2020	2022
Giá trị xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Giá trị nhập khẩu	84,8	165,8	262,7	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

a) Giá trị nhập khẩu tăng trong giai đoạn 2010 - 2022.

- b) Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu nước ta giai đoạn 2010 - 2022 là biểu đồ cột.
- c) Giá trị cán cân thương mại tăng liên tục.
- d) Giá trị xuất khẩu tăng chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Doanh thu du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ năm 2022 (Đơn vị: Tỷ đồng)

Tỉnh	Thanh Hóa	Nghệ An	Hà Tĩnh	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên Huế
Doanh thu	176,4	71,9	11,6	230,7	11,7	127,7

Căn cứ bảng số liệu trên, tính tổng doanh thu du lịch của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ năm 2022.

Câu 4. Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thiếu nguyên liệu tại chỗ. B. mật độ dân số rất cao.
C. cơ sở hạ tầng còn hạn chế. D. thiếu công nghệ, kỹ thuật.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về thế mạnh của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao. B. Tài nguyên khoáng sản rất phong phú.
C. Cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối tốt. D. Tập trung nhiều trung tâm kinh tế lớn.

Câu 6. Vùng Bắc Trung Bộ năm 2010 có sản lượng thủy sản khai thác 240,9 nghìn tấn; năm 2021 là 512,2 nghìn tấn. Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 của vùng. (Lấy năm 2010 = 100%, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 7. Khó khăn lớn trong sản xuất nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. có một mùa đông lạnh. B. vùng đất trong đê kém màu mỡ.
C. thời tiết thất thường và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. D. nhiều vùng bị ngập nước thường xuyên.

Câu 8. Tốc độ phát triển và đa dạng hóa cơ cấu ngành dịch vụ không do yếu tố nào dưới đây?

- A. Lực lượng lao động dồi dào. B. Năng suất làm việc cải thiện.
C. Trình độ được nâng cấp. D. Quá trình đô thị hóa chậm.

Câu 9. Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển của ngành bưu chính viễn thông ở nước ta hiện nay?

- A. Là ngành đóng vai trò quan trọng vào mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.
B. Mạng lưới bưu chính chỉ phát triển và phân bố ở các thành phố lớn.
C. Ngành viễn thông có lịch sử lâu đời và có các loại hình đa dạng.
D. Chuyển phát nhanh là loại hình dịch vụ mới của ngành viễn thông.

Câu 10: (Tự luận)

- a. **CH:** Trình bày đặc điểm vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của trung du miền núi Bắc Bộ?

TL: Phần I.1 2 (Trang 96 SGK địa lý lớp 12 (sách Kết nối tri thức)).

- b. **CH:** Trình bày sự phát triển hoạt động ngoại thương ở nước ta?

TL: Phần I.2 (Trang 90 SGK địa lý lớp 12 (sách Kết nối tri thức))

- c. **CH:** Phân tích thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển Nông – Lâm – Thủy sản ở Bắc Trung Bộ?

TL: Phần II (Trang 111, 112 SGK địa lý lớp 12 (sách Kết nối tri thức))

2.3. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ	ĐỀ KHẢO SÁT GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025 Môn: ĐỊA LÝ - LỚP 12 Ngày thi:..... Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)
ĐỀ MINH HỌA Mã đề :	

Họ, tên học sinh:.....Lớp.....

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. HS trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi HS chỉ chọn một phương án. (3 điểm)

Câu 1. Để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở vùng Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải. B. phát triển kinh tế - xã hội ở vùng phía tây.
C. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị lớn.
D. gắn các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp với ngư nghiệp.

Câu 2. Tuyến đường sắt nào sau đây dài nhất nước ta?

- A. Lưu Xá - Kép - Ưông Bí - Bãi Cháy. B. Thống Nhất.

C. Hà Nội - Đồng Đăng.

D. Hà Nội - Lào Cai.

Câu 3. Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển của ngành bưu chính viễn thông ở nước ta hiện nay?

A. Là ngành đóng vai trò quan trọng vào mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

B. Mạng lưới bưu chính chỉ phát triển và phân bố ở các thành phố lớn.

C. Ngành viễn thông có lịch sử lâu đời và có các loại hình đa dạng.

D. Chuyển phát nhanh là loại hình dịch vụ mới của ngành viễn thông.

Câu 4. Nhân tố nào giúp hoạt động dịch vụ thay đổi toàn diện?

A. Dân cư.

B. Thị trường.

C. Cơ sở vật chất - kĩ thuật.

D. Chính sách.

Câu 5. Số lượt khách nội địa tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây chủ yếu

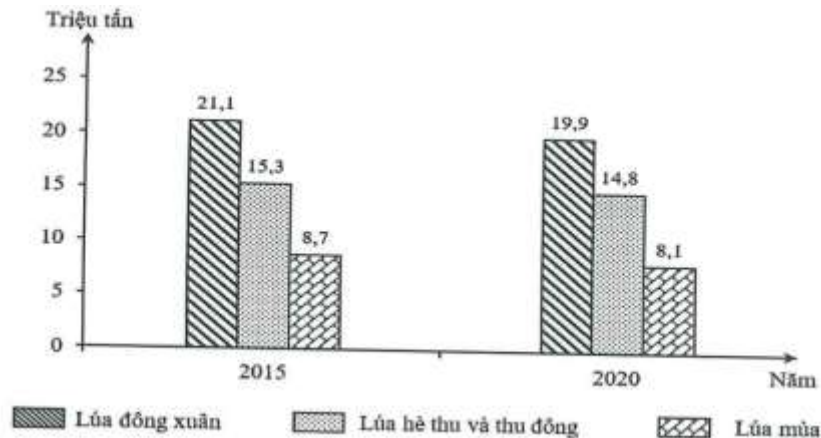
A. do có nhiều tiềm năng về du lịch.

B. do mức sống người dân được nâng cao.

C. do có nguồn lao động du lịch tăng.

D. do cơ sở vật chất, kĩ thuật được đầu tư,

Câu 6. Cho biểu đồ về sản lượng các vụ lúa của nước ta năm 2015 và năm 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng.

B. Tốc độ tăng sản lượng.

C. Quy mô sản lượng.

D. Quy mô và cơ cấu sản lượng.

Câu 7. Dựa vào bảng số liệu sau:

Số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: triệu con)

Vật nuôi	Năm	2010	2021
Trâu		1,6	1,2
Bò		1,0	1,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Để thể hiện số lượng trâu, bò của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2010 và năm 2021, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Cột ghép.

C. Miền.

D. Kết hợp (cột và đường)

Câu 8. Hoạt động xuất khẩu của nước ta hiện nay

A. có thị trường chủ yếu là ở châu Phi.

B. bạn hàng ngày càng đa dạng hơn.

C. rất ít thành phần kinh tế tham gia.

D. các mặt hàng chủ đạo là máy móc,

Câu 9. Việc nâng cấp các trung tâm du lịch biển ở nước ta mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

A. Tạo thêm nhiều việc làm cho người dân.

B. Thu hút được nhiều du khách hơn.

C. Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch biển.

D. Tăng doanh thu cho ngành du lịch.

Câu 10. Quặng a-pa-tit được khai thác chủ yếu ở tỉnh nào sau đây?

A. Lào Cai.

B. Lai Châu.

C. Yên Bái.

D. Phú Thọ.

Câu 11. Thế mạnh nào sau đây đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Có nhiều hệ thống sông lớn, độ dốc lòng sông nhỏ.

B. Đầu nguồn của nhiều sông, sông có trữ lượng thủy điện lớn.

C. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, nhiều phù sa, chế độ nước điều hoà.

D. Có mật độ sông ít, hầu hết là sông nhỏ.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ?

- A. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- B. Phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.
- C. Đẩy mạnh giao lưu với các vùng, quốc gia ở khu vực.
- D. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên và môi trường.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. HS trả lời câu 1, câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, HS chọn đúng hoặc sai. (2,0 điểm)

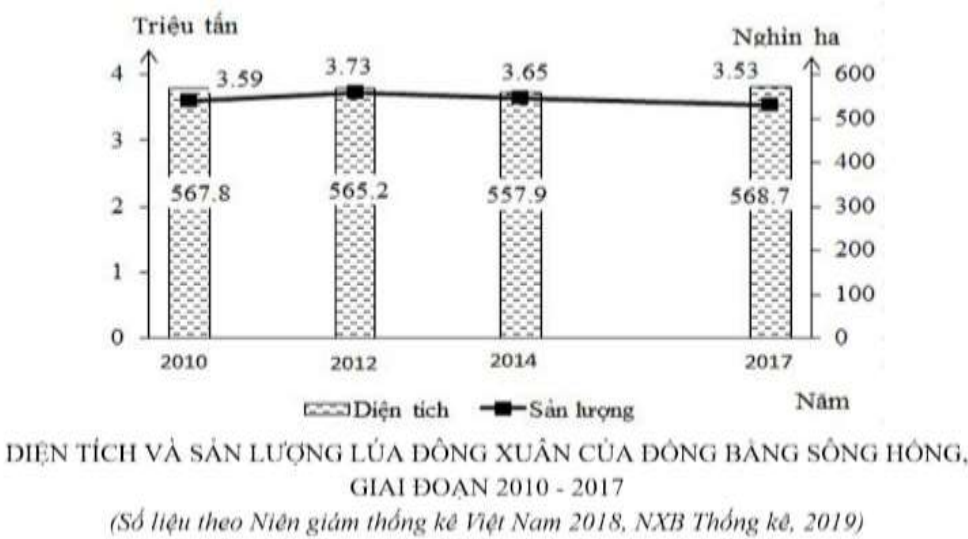
Câu 1. Cho thông tin sau:

Cao tốc Bắc - Nam có vai trò rất quan trọng, là trục xương sống, hành lang kinh tế - vận tải huyết mạch của đất nước. Để tạo ra động lực đột phá, phát huy được tiềm năng, lợi thế các địa phương trên hành lang này, tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đã được quy hoạch với tổng chiều dài 2.063 km từ Cửa khẩu Hữu Nghị - Lạng Sơn đến Cà Mau đi qua 32 tỉnh, thành phố.

(Trích: Báo CAND online 03/09/2023, 07:43)

- a) chi phí logistics tăng.
- b) tạo công ăn, việc làm, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.
- c) góp phần mở ra không gian phát triển mới, thu hút đầu tư.
- d) góp phần phát triển kinh tế xã hội phần lãnh thổ phía Tây đất nước phát triển.

Câu 2. Cho biểu đồ sau:



- a) Sản lượng lúa đông xuân của đồng bằng sông Hồng giảm liên tục.
- b) Năng suất lúa vụ đông xuân của đồng bằng sông Hồng năm 2017 là 60,2 tạ/ha.
- c) Năng suất lúa đông xuân của của đồng bằng sông Hồng ngày càng tăng.
- d) Sản lượng lúa vụ đông xuân có xu hướng giảm, năng suất giảm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. (2 điểm)

Câu 1. Năm 2020, tổng GDP nước ta là 7.592 nghìn tỉ đồng, trong đó GDP của dịch vụ chiếm 44,3%. Tính giá trị GDP của ngành dịch vụ năm 2020? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỷ đồng)

Câu 2. Một xe ô tô đảm nhận vận chuyển 32 tấn hàng hoá từ Lào Cai đến Hà Nội với quãng đường 296 km. Hãy tính khối lượng luân chuyển của xe ô tô trên. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tấn.km)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo vùng ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2021 (Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Năm	2015	2018	2021
Vùng			
Cả nước	3.233,2	4.393,5	4.657,0
Đồng bằng sông Hồng	724,0	966,4	1.147,1
Đông Nam Bộ	1.070,8	1.456,8	1.334,3
Đồng bằng sông Cửu Long	595,7	836,9	928,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê 2022)

Tính tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2021 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

Câu 4. Năm 2021, đồng bằng sông Hồng có diện tích gieo trồng lúa cả năm là 970,3 nghìn ha, sản lượng lúa là 6020,4 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của vùng năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 5. Tổng diện tích rừng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là 3131,1 nghìn ha, trong đó diện tích rừng trồng là 929,6 nghìn ha. Vậy tỉ lệ diện tích rừng trồng của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu phần trăm so với tổng diện tích rừng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ giai đoạn 2010 - 2021 (Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm Sản lượng	2010	2021
Thủy sản khai thác	240,9	512,2
Thủy sản nuôi trồng	97,1	183,9

Nguồn: niên giám thống kê các năm 2022)

Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác ở Bắc Trung Bộ năm 2021 tăng bao nhiêu % (phần trăm) so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của đơn vị %)

Câu 7. Vùng Bắc Trung Bộ năm 2010 có sản lượng thủy sản khai thác 240,9 nghìn tấn; năm 2021 là 512,2 nghìn tấn. Tính tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 so với năm 2010 của vùng. (Lấy năm 2010 = 100%, làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Câu 8: Cho bảng số liệu:

Diện tích, sản lượng lúa ở Đồng bằng sông Hồng và cả nước, năm 2021

Nội dung	Đồng bằng sông Hồng	Cả nước
Diện tích (nghìn ha)	970,3	7238,9
Sản lượng (nghìn tấn)	6020,4	43852,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2021 năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao hơn cả nước là bao nhiêu tạ/ha? (Làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân)

PHẦN IV: TỰ LUẬN

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Một số chỉ số phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2010 - 2021

Nội dung Chỉ số	2010	2015	2020	2021
Doanh thu dịch vụ bưu chính (nghìn tỉ đồng)	6,0	11,0	25,0	26,8
Doanh thu dịch vụ viễn thông (nghìn tỉ đồng)	177,8	284,0	321,2	316,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên em hãy:

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện một số chỉ số phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2010 - 2021.
- b. Nhận xét biểu đồ đã vẽ về một số chỉ số phát triển ngành bưu chính viễn thông nước ta, giai đoạn 2010 - 2021?

-----HẾT-----
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Hoàng Mai, ngày 22 tháng 2 năm 2025
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG